

6. Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn khu vực I

STT	Tên đường phố, ngõ phố	Mốc xác định (Từ.....đến.....)	Giá đất hiện hành theo QĐ 52/QĐ-UBND của UBND tỉnh (đồng/m ²)	Giá đất đề nghị 05 năm (2015 - 2019)					
				Giá đất đề nghị 05 năm (2015-2019) (đồng/m ²)	Diễn giải				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	Tỷ lệ tăng giá (%)
					Giá đất điều chỉnh tăng (đồng/m ²)	Giá đất điều chỉnh giảm (đồng/m ²)	Giá đất bổ sung mới (đồng/m ²)	Lý do điều chỉnh	
1. Trung tâm cụm xã Sín Chéng									
1	Đường trục chính	Đất hai bên đường từ suối Giặt đến hết đất nhà ông Giàng A Vân	280 000	375 000	95 000			Điều chỉnh mốc xác định, cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp	33.9
2		Đất hai bên đường từ nhà ông Giàng A Vân đến nhà ông Sùng A Giã	280 000	520 000	240 000			Điều chỉnh mốc xác định, cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp	85.7
3		Đất hai bên đường từ nhà ông Sùng A Giã đến hết đất nhà ông Thào A Vân	210 000	340 000	130 000			Điều chỉnh mốc xác định, cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp	61.9

4		Đất hai bên đường từ nhà ông Thào A Vân đến đường rẽ vào Trạm Y tế	210 000	450 000	240 000		Điều chỉnh mốc xác định, cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp	114
5		Đất hai bên đường từ ngã tư chợ đến hết Phòng khám đa khoa	140 000	375 000	235 000		Điều chỉnh mốc xác định, cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp	168
6		Đất hai bên đường từ Phòng khám đa khoa đến hết trường trung học cơ sở	210 000	263 000	53 000		Điều chỉnh mốc xác định, cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp	25.2
7		Đất hai bên đường từ ngã tư chợ đến hết trường mầm non số 2	210 000	450 000	240 000		Điều chỉnh mốc xác định, cơ sở hạ tầng được đầu tư, nâng cấp	114
2. Trung tâm cụm xã Cán Cấu								
8		Đất hai bên đường từ UBND xã mới đến đường rẽ đi thôn Cốc Phà	280 000	375 000	95 000		Khu vực trung tâm xã, dân cư đông đúc, kinh tế phát triển.	33.9
9	Nhánh trục chính	Đất hai bên đường từ đường rẽ đi thôn Cốc Phà đến đường rẽ đi thôn Lệnh Sui Thành	175 000	263 000	90 000		Cho sát giá thị trường, cơ sở hạ tầng đầy đủ, phù hợp với sự phát triển trên thực tế.	51.4
10		Đất hai bên đường từ đường rẽ đi thôn Lệnh Sui Thành đến công trường Tiểu học thôn Cán Chư Sừ	280 000	450 000	170 000		Khu vực giáp chợ trung tâm, phù hợp kinh doanh buôn bán.	60.7

11		Đất hai bên đường từ công trường tiểu học thôn Cán Chư Sủ đến đường đi xã Lùng Sui	175 000	220 000	45 000			Dân cư ổn định, không biến động
12	Đường sắp xếp dân cư	Từ UBND xã đến trường tiểu học					262 000	Bổ sung mới do QĐ 52/2013/QĐ-UBND chưa có
13		Từ đường rẽ đi Cốc phà đến hết trường mầm non					262 000	Bổ sung mới do QĐ 52/2013/QĐ-UBND chưa có

Tài liệu này được lưu trữ tại <http://cafeland.vn>

**7. Bảng giá đất ở tại nông thôn
khu vực 2**

ST T	Môc xác định	Giá đất hiện hành theo QĐ 52/QĐ- UBND của UBND tỉnh (đồng/m ²)			Giá đất đề nghị 05 năm (2015-2019) (đồng/m ²)		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
(1)	(2)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	1. Xã Sín Chéng						
1	Đất ở hai bên đường liên xã không thuộc khu vực đất đô thị ở phụ lục 1 từ địa phận giáp xã Mản Thân đến giáp địa phận xã Nàn Sín		120 000			140 000	
2	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại			100 000			115 000
	2. Xã Cán Cầu						
3	Đất ở hai bên đường TL-4D không thuộc, khu vực đất đô thị ở phụ lục 1 từ địa phận giáp xã Lữ Thân đến giáp địa phận xã Sán Chải		120 000			140 000	
4	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại			100 000			115 000
	3. Xã Lùng Sui						
5	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông tại trung tâm xã (thôn Tả Lùng Sán) kéo dài về mỗi bên 100m	150 000			175 000		
6	Đất ở hai bên đường liên xã không thuộc vị trí 1 từ địa phận giáp xã Cán Cầu đến giáp xã Lữ Thân		120 000			140 000	
7	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại			100 000			115 000
	4. Xã Nàn Sín						
8	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông tại trung tâm xã (thôn Nàn Sín) kéo dài về mỗi bên 100m	150 000			175 000		
9	Đất ở hai bên đường liên xã không thuộc vị trí 1 từ địa phận giáp xã Sín Chéng đến giáp UBND xã Nàn Sín		120 000			140 000	
10	Đất ở hai bên đường từ ranh giới xã Sín Chéng đến giáp thôn Phìn Chư III		120 000			140 000	
11	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại			100 000			115 000
	5. Xã Bản Mế						
12	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông tại trung tâm xã (thôn Na Pá) kéo dài về mỗi bên 200m	150 000			175 000		

13	Đất ở hai bên đường liên xã không thuộc vị trí 1 từ địa phận giáp huyện Mường Khương đến giáp xã Nàn Sín	120 000			140 000	
14	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại			100 000		115 000
	6. Xã Cán Hồ					
15	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông tại trung tâm xã (thôn Pù Chù Ván) kéo dài về mỗi bên 100m	150 000			175 000	
16	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông từ địa phận giáp xã Sín Chải đến UBND xã Cán Hồ không thuộc vị trí 1	120 000			140 000	
17	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại			100 000		115 000
	7. Xã Lữ Thẩn					
18	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông tại trung tâm xã (thôn Sảng Chải) kéo dài về mỗi bên 100m; đất ở hai bên đường TL-4D đi từ xã Lũng Phình (huyện Bắc Hà) đến xã Cán Cầu	150 000			175 000	
19	Đất ở hai bên đường TL-4D không thuộc vị trí 1 từ giáp xã Lũng Phình - huyện Bắc Hà đến hết địa phận xã Lữ Thẩn	120 000			140 000	
20	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại			100 000		115 000
	8. Xã Mản Thẩn					
21	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông tại trung tâm xã (thôn Sín Chò) kéo dài về mỗi bên 100m	150 000			175 000	
22	Đất ở hai bên đường liên xã không thuộc vị trí 1 từ địa phận giáp xã Sín Chéng đến giáp địa phận xã Bản Mế	120 000			140 000	
23	Các vị trí còn lại trong địa bàn xã			100 000		115 000
	9. Xã Nàn Sán					
24	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông tại trung tâm xã (thôn Đội 1, 3)	150 000			175 000	
25	Đất từ hết đường nội thị N10 đến cầu Hóa Chi Phùng	150 000			175 000	
26	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại			100 000		115 000
	10. Xã Quan Thẩn Sán					
27	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông tại trung tâm xã (thôn Lao Chải) kéo dài về mỗi bên 100m	150 000			175 000	

28	Đất ở hai bên đường liên xã không thuộc vị trí 1 từ địa phận giáp xã Cán Hồ đến giáp ngã ba xã Sứ Pà Phìn	120 000			140 000	
29	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại			100 000		115 000
	11. Xã Sán Chải					
30	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông TL-4D tại trung tâm xã (thôn Hòa Sứ Pán) kéo dài về mỗi bên 200m	150 000			175 000	
31	Đất ở hai bên đường TL-4D không thuộc vị trí 1 từ địa phận giáp xã Si Ma Cai đến thôn La Chí Chải	120 000			140 000	
32	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại			100 000		115 000
	12. Xã Thào Chư Phìn					
33	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với đường giao thông thôn Thào Chư Phìn từ UBND đến trạm xá	120 000			140 000	
34	Các vị trí đất ở nông thôn còn lại			100 000		115 000

Tài liệu này được lưu trữ tại <http://cafeland.vn>